TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Cường

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D xã L , huyện A , thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn V , xã Đ , huyện A , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ ; nơi cư trú: Thôn D , xã L , huyện A , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án đề ngày 05 tháng 6 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L T ,

huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 1-2001, ngày 05/12/2001. Quá trình chung sống, chị H và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, anh Đ chưa chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ .

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ có hai con chung là Nguyễn Hữu Vi sinh ngày 09/4/2005 và Nguyễn Hữu V sinh ngày 15/10/2008. Con chung Nguyễn Hữu Vi đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị H không đề nghị Toà án giải quyết. Chị đề nghị Toà án giao con Nguyễn Hữu V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận, nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ không có quan điểm trình bày tại Tòa án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ . Giao con Nguyễn Hữu V sinh ngày 15/10/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Hữu Đ đang cư trú tại: Thôn D , xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đoàn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ .

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ đã được xác lập là hợp pháp. Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 1-2001, ngày 05/12/2001 tại Ủy ban nhân xã L , huyện A (nay là huyện An), thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ .

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ có hai con chung là Nguyễn Hữu Vi sinh ngày 09/4/2005 và Nguyễn Hữu V sinh ngày 15/10/2008. Con chung Nguyễn Hữu Vi đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, chị H không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi của các con chung và của các đương sự, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung thì giao con Nguyễn Hữu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị H trình bày để hai bên tự thỏa thuận, nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau; mặt khác, chưa có lời khai của anh Đ về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ .

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ có hai con chung là Nguyễn Hữu Vi sinh ngày 09/4/2005 và Nguyễn Hữu Vũ sinh ngày 15/10/2008. Con tên Nguyễn Hữu Vi đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động nên chị H không đề nghị giải quyết . Giao con chung là Nguyễn Hữu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005125 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương ;
- UBND xã L , huyện A, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 1-2001, ngày 05/12/2001);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý